TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒN ĐẤT** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/HNGĐ-ST.
Ngày: 18/3/2022.
V/v *"Xin ly hôn và giải quyết nuôi con".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hồng Điệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Đoạt.

2/ Ông Nguyễn Văn Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Mộng Trinh - Thư ký TAND huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa: Bà Trần Phương Thúy - Kiểm sát viên

Trong ngày 18 tháng 3 năm 2022 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 12/2022/TLST-HNGĐ ngày 11/01/2022 về việc "*Xin ly hôn và giải quyết nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11/02/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21/02/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Thị Kim L,** sinh năm 1988 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: khu phố Sơn Tiến, thị trấn SS, huyện HĐ, tỉnh KG.

Bị đơn: Anh **Huỳnh Văn H,** sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Vàm Răng, xã SK, huyện HĐ, tỉnh KG

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết nguyên đơn chị Thị Kim L trình bày như sau:*

- *Về hôn nhân*: Chị Thị Kim L và anh Huỳnh Văn H đi đến hôn nhân là do tự tìm hiểu và yêu thương nhau, anh chị được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào

năm 2008 và anh chị có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Sơn Kiên, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang vào ngày 08/10/2008. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng được vài năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, anh H thường xuyên nhậu nhẹt, không quan tâm đến vợ, con, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên chị L và anh H đã sống ly thân hơn 3 năm nay. Hiện tại chị và anh H không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh H không thể hàn gắn được nữa nên chị L yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Văn H.

- *Về con chung*: Quá trình chung sống chị L xác nhận chị và anh H có hai người con chung tên Huỳnh Thị Huế Trân, sinh ngày 26/02/2010 và Huỳnh Thiện Nhân, sinh ngày 09/12/2018, hiện tại con chung do chị L nuôi dưỡng. Ly hôn chị L yêu cầu được nuôi dưỡng các con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị L xác nhận quá trình chung sống chị và anh H không có tài sản chung, không có nợ ai và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

** Bị đơn anh Huỳnh Văn H:* Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thực hiện tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh H đều vắng mặt và không có ý kiến liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt chị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình.

** Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa trình bày như sau:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Về chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của các đương sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho chị Thị Kim L được ly hôn với anh Huỳnh Văn H; áp dụng các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị HĐXX tiếp tục giao cháu Huỳnh Thị Huế Trân và Huỳnh Thiện Nhân cho chị Thị Kim L được tiếp tục nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên; Về nghĩa vụ cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung: không đặt ra xem xét vì các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị L phải chịu án phí hôn nhân theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định vụ án này như sau:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo đơn khởi kiện nguyên đơn chị Thị Kim L yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Văn H. Xét thấy đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; Bị đơn anh H cư trú tại ấp Vàm Răng, xã Sơn Kiên, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn chị Thị Kim L có đơn xin xét xử vắng mặt còn bị đơn anh Huỳnh Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa.

[3] *Về nội dung vụ án:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Chị Thị Kim L và anh Huỳnh Văn H xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2008 trên cơ sở tự nguyện, anh chị có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Sơn Kiên, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 08/10/2008. Như vậy, hôn nhân giữa chị L và anh H là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét về tình trạng hôn nhân: Hội đồng xét xử thấy rằng sau thời gian chung sống với nhau chị L và anh H phát sinh mâu thuẫn mà chủ yếu là về tình cảm vợ chồng, do bất đồng về quan điểm sống nên dẫn đến việc anh chị thường xuyên cự cãi nhau. Theo chị L trình bày chị và anh H đã sống ly thân với nhau được gần 3 năm nay, trong thời gian sống ly thân chị và anh H không liên lạc hay quan tâm gì đến nhau, chị và anh H đã không thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng trong thời gian dài.

Hơn nữa; theo lời trình bày của ông Huỳnh Văn Lương là cha ruột của anh Huỳnh Văn H cho biết, vợ chồng chị L và anh H chung sống với nhau vào năm 2008 và rất hạnh phúc nhưng khoảng 1 năm nay thì chị L và anh H đã không còn sống chung với nhau nữa, trong thời gian này chị L và anh H cũng không liên lạc hay qua lại với nhau.

Ngoài ra, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt hợp lệ các thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh H đều vắng mặt, điều này cũng thể hiện anh H không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng giữa anh và chị L.

Quá trình giải quyết vụ án tòa án tiến hành giải thích pháp luật và động viên chị L đoàn tụ để nuôi dạy các con trưởng thành nhưng chị L vẫn kiên quyết muốn ly hôn với anh H.

Từ những cơ sở nêu trên chứng tỏ hôn nhân của chị L và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Thị Kim L được ly hôn với anh Huỳnh Văn H.

- *Về quan hệ con chung:* Chị L xác nhận quá trình chung sống chị và anh H có hai người con chung tên Huỳnh Thị Huế Trân, sinh ngày 26/02/2010 và Huỳnh Thiện Nhân, sinh ngày 09/12/2018, hiện tại các con đang do chị nuôi dưỡng. Vì vậy, khi ly hôn chị L yêu cầu được nuôi dưỡng các con chung đến tuổi trưởng thành.

Xét yêu cầu nuôi con của chị L Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện chị L đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Trân và cháu Nhân, hai con được chị L chăm sóc, nuôi dưỡng và phát triển bình thường. Đồng thời tại đơn trình bày nguyện vọng đề ngày 31/12/2021 của cháu Trân có nguyện vọng muốn sống với mẹ (tức chị L). Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống của các cháu, giúp cháu phát triển tốt về mặt thể chất cũng như tinh thần và phù hợp với nguyện vọng của con chung nên giao hai

con chung cho chị L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* Do chị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về quan hệ tài sản và nợ chung:* Đương sự xác nhận là không tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất phát biểu tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] *Về án phí:* Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Thị Kim L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 232, 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Thị Kim L được ly hôn với anh Huỳnh Văn H.

2/ Về quan hệ con chung: Giao cháu Huỳnh Thị Huế Trân, sinh ngày 26/02/2010 và Huỳnh Thiện Nhân, sinh ngày 09/12/2018 cho chị Thị Kim L được tiếp tục nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không xét.

Về quyền thăm nom, chăm sóc con chung: Trong thời gian chị L nuôi con, anh H được quyền đến thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Bảo lưu quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con chung khi một trong các bên có yêu cầu.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Không xét.

4/ Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Thị Kim L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0001511, ngày 04/01/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị L không phải nộp thêm. Anh H không phải nộp tiền án phí sơ thẩm.

5/ Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa H thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *TA tỉnh Kiên Giang;*
- *VKS nhân dân huyện Hòn Đất;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ./.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trịnh Thị Hồng Điệp